

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 02/03/2021.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai.

2. Ông Nguyễn Kiên Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 823/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐ-XX ngày 19/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HPT ngày 05/2/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tôn Nữ Thanh T. Sinh năm 1995.

Trú tại: 658 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố D.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng Đ. Sinh năm 1991.

Trú tại: 127 đường E, Phường F, Quận G, Thành phố D.

ĐCLL: 783/2 đường H, Phường F, Quận G, Thành phố D.

(bà T có mặt; ông Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà T và ông Đ có tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số XXX do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận G, Thành phố D cấp ngày XX/XX/XXXX. Quá trình chung sống, bà T và ông Đ không có con chung.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tôn Nữ Thanh T trình bày:

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại 783/2 đường H, Phường F, Quận G, Thành phố D. Nhưng đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và ông Đ có xu hướng

bạo lực đối với bà T. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ:

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: bà T khai không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không tiến hành hòa giải được vì ông Đ không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn.
- Ông Đ vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà T đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông Đ không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T vì có cơ sở; ông Đ không có lời khai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét bà T và ông Đ có đăng ký kết hôn hợp pháp. Nay bà T có yêu cầu ly hôn với ông Đ là thuộc trường hợp ly hôn theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông Đ trú tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Đ để tham gia hòa giải nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Đ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về yêu cầu ly hôn:

Căn cứ vào lời khai của bà T và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: bà T và ông Đ có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên đến năm 2020 thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Và hai bên đã ly thân từ đó đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và không ai quan tâm ai.

Xét bà T và ông Đ đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Đ để tham gia hòa giải mâu thuẫn gia đình nhưng ông Đ không tham gia hòa giải thể hiện ông Đ không còn tha thiết với cuộc sống chung nữa. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: không có.

[3]. Về tài sản chung: không giải quyết.

[4]. Như đã phân tích, xét yêu cầu của bà T và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận; xét ông Đ không có lời khai nên không giải quyết.

[5]. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà T phải nộp toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số XXXXXXXX ngày XX/XX/XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Thanh T:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Tôn Nữ Thanh T được ly hôn với ông Võ Hoàng Đ.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Tôn Nữ Thanh T phải nộp toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số XXXXXXXX ngày XX/XX/XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Bà Tôn Nữ Thanh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bà Tôn Nữ Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Võ Hoàng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- Ủy ban nhân dân phường F, Quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)
Phù Quốc Tuấn**